

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Q
THÀNH PHỐ HÀ NỘI
Số: 48A/2024/QĐST-DS

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Q, ngày 26 tháng 4 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 12, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 18 tháng 4 năm 2024 về việc các đương sự đã thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 71/2024/TLST-DS ngày 17 tháng 4 năm 2024.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

I/. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: **Công ty cổ phần kinh doanh F** (viết tắt là “Công ty F”)

Địa chỉ: Phòng 206, Tầng M, tòa nhà N01A, số 275 đường N, phường T, quận T, thành phố Hà Nội.

*Đại diện theo pháp luật: Ông **Phùng Anh T** - Chức vụ: Tổng Giám đốc. Đại diện theo ủy quyền: Ông **Phan Văn L** - Chức vụ: Giám đốc Trung tâm Quản lý tài sản (theo Giấy ủy quyền số 34/2023/UQ-F/TGD ngày 01/11/2023 của Tổng Giám đốc F). Người được ủy quyền lại: Ông **Hoàng Vũ G** - Chức vụ: Chuyên viên cao cấp F (theo Giấy ủy quyền số 389/2024/UQ-F/GĐTT. QLTS ngày 17/3/2024 của ông Phan Văn L).*

- Bị đơn: Ông **Nguyễn Hữu T**, sinh năm 1983;

HKTT và nơi ở: Xóm 3, thôn S, xã S, huyện Q, thành phố Hà Nội.

II/ Sự thỏa thuận cụ thể của các đương sự như sau:

1. Công ty cổ phần kinh doanh F và ông Nguyễn Hữu T đều xác nhận đã ký kết Hợp đồng cho vay cầm cố tài sản số 21052592964 ngày 03/10/2022

Hai bên thỏa thuận, tính đến ngày 05/3/2024 ông Nguyễn Hữu T còn nợ Công ty F tổng số tiền là **135.000.000 đồng** (*một trăm ba mươi lăm triệu đồng*).

2. Hai bên thống nhất phương án trả nợ như sau:

2.1. Ông Nguyễn Hữu T có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty F tổng số tiền nợ là 135.000.000 đồng trong thời hạn 03 tháng, chia làm 03 kỳ, bắt đầu tính từ ngày ra quyết định này và kết thúc vào ngày 30/7/2024, cụ thể như sau:

Kỳ 1: Chậm nhất đến ngày 30/5/2024, ông T phải trả cho Công ty F số tiền 45.000.000 đồng (*bốn mươi lăm triệu đồng*);

Kỳ 2: Chậm nhất đến ngày 30/6/2024, ông T phải trả cho Công ty F số tiền 45.000.000 đồng (*bốn mươi lăm triệu đồng*);

Kỳ 3: Chậm nhất đến ngày 30/7/2024, ông T phải trả cho Công ty F toàn bộ số tiền nợ còn lại.

2.2. Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật, công ty F có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông T vi phạm bất cứ kỳ trả nợ nào (về thời gian và số tiền) thì công ty F có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền buộc ông T phải thanh toán toàn bộ số nợ chưa trả và hàng tháng ông T còn phải trả công ty F số tiền lãi đối với số tiền chưa trả theo mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành.

“Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

2.3. Trong trường hợp ông T không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ bất cứ kỳ trả nợ nào nêu trên thì công ty F có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự thi hành án thu và phát mại tài sản cầm cố theo quy định của pháp luật để thu hồi nợ cho công ty F.

Tài sản cầm cố là: 01 chiếc xe ô tô Hyundai Veloster 1.6 AT 2011; Số khung: KMHTC61CBCU 039169; Số máy: G4FGBU394235; BKS: 30H - 05740, theo Giấy chứng nhận đăng ký số 066167 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an TP Hà Nội cấp ngày 31/5/2021 mang tên ông Nguyễn Hữu T.

Trường hợp ông T thanh toán xong toàn bộ khoản nợ nêu trên cho công ty F thì công ty F có nghĩa vụ trả lại Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô BKS: 30H - 05740 cho ông T.

2.4. Trong trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý, bán tài sản cầm cố sau khi đã trừ đi các chi phí phải thanh toán để xử lý tài sản vẫn không đủ trả nợ cho công ty F, thì ông T phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho công ty F cho đến khi hoàn thành các nghĩa vụ theo Hợp đồng đã ký.

3. Về án phí: Ông T chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật là **3.375.000 đồng** (Ba triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

Công ty cổ phần kinh doanh F không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại công ty F số tiền là 3.375.000 đồng (ba triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0019973 ngày 17/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Q.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhân:

- Các đương sự;
- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện Q;
- Chi cục THADS huyện Q
- Lưu: Hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Hữu Thanh